TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2019.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuất.

2. Ông Dương Thế Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 31/2019/QĐ-TA ngày 24/7/2019, của Tòa án nhân dân huyện T và Quyết định thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa số: 03/QĐ-VKS-NH ngày 24/7/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Cao Thị M**, sinh năm: 1987. (*Có mặt*)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm: 1980. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Cùng ở xóm 2, thôn 4, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu **Nguyễn Thành S**, sinh ngày 25/6/2010 và **Nguyễn Thị Thiên K**, sinh ngày 15/6/2008. (Có mặt)

Địa chỉ: Cùng ở xóm 2, thôn 4, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/6/2019, bản tự khai, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị Cao Thị M tại phiên tòa hôm nay, thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và và anh Nguyễn Thành N tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai vào ngày 17 tháng 3 năm 2008 (*theo số: 36/TP, quyển số 01/2008*).

Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh N chung sống tại huyện X1, tỉnh Đồng Nai, sau đó chuyển về thôn 4, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận sinh sống và làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, nhưng đến khoảng tháng 3/2019 giữa chị và anh N bắt đầu xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường xuyên uống rượu, anh N không tin tưởng vợ, nghe lời người khác nói xấu về chị và về nhà kiếm chuyện gây gổ, thậm chí còn dùng dao đe dọa đến tính mạng, đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần.

Chị đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng hòa thuận chung sống nuôi, dạy các con nên người, nhưng anh N vẫn tính nào tật đó, không thay đổi tính tình mà còn làm ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng của các con và đe dọa đến tính mạng của chị.

Ngoài ra, chị và anh N còn có mâu thuẫn về vấn đề tài chính trong gia đình, thời gian vợ chồng chung sống với nhau, anh N là người giữ tiền bạc và tự chi tiêu, không cho chị tự chủ trong vấn đề kinh tế, làm cho kinh tế gia đình khó khăn, chỉ mới khoảng 02 năm gần đây, chị mới được giữ tài chính và chăm lo cho gia đình nhưng anh N luôn quản lý khắt khe chuyện tiền nông.

Hiện nay chị và anh N đang sống ly thân với nhau và chị không còn tình cảm gì với anh N nên chị yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được quyền ly hôn anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh N có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Thiên K, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Thành S, sinh ngày 25/6/2010, hiện đang ở với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hết 02 con cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị M cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, gồm:

- 01 Sổ hộ khẩu và 01 Giấy chứng minh nhân dân (*bản sao*);

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (*bản chính*);

- 02 Giấy khai sinh *(bản sao);*

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự, Biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh Nguyễn Thành N tại phiên tòa hôm nay, thì:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai vào

năm 2008, theo lời trình bày của chị M tại phiên tòa hôm nay là đúng, anh không bổ sung gì thêm.

Anh thừa nhận, thời gian đầu anh và chị M chung sống với nhau có hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn, nhưng khoảng 03 tháng trở lại đây, thì anh có nghe người ta nói một số vấn đề tai tiếng về chị M, do đó anh có bực bội trong người nên khi về nhà anh có gây gỗ với chị M và có đập phá một số tài sản. Anh đã nhận lỗi và thừa nhận hành vi của mình là không đúng.

Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn nêu trên, thì anh và chị M không còn mâu thuẫn nào khác. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M và mong muốn chị M về đoàn tụ, chung sống với nhau để cùng chăm lo cho con.

- *Về con chung:* Theo lời trình bày của chị M về con chung là đúng, anh không bổ sung gì thêm về con chung, nhưng nếu chị M cương quyết ly hôn anh, thì anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hết 02 con cho đến khi thành niên mà không yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết để anh, chị M tự phân chia về tài sản và về nợ chung với nhau.

Theo bản tự khai và lời trình bày của con Nguyễn Thị Thiên K và Nguyễn Thành S tại phiên tòa hôm nay, thì:

Nguyễn Thị Thiên K và Nguyễn Thành S là con chung của chị M, anh N. K và S đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau.

K và S đều nhận thấy, anh N và chị M thường xuyên cãi vã nhau và anh N hay đuổi chị M ra khỏi nhà.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Sổ hộ khẩu và chúng minh nhân dân (*bản sao*); 02 giấy chứng nhận kết hôn *(bản sao)*,02 giấy khai sinh *(bản sao)* kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; biên bản lấy lời khai của nguyên, bị đơn, biên bản hòa giải do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau: Về tài sản chung và về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau:

Về hôn nhân: Thì chị Cao Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền ly hôn anh N, nhưng anh N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hết 02 người con chung, anh N không đồng ý và anh N cũng giành quyền nuôi dưỡng 02 người con chung, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị M. Chị Cao Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

Về con chung: Giao cho chị Cao Thị M được quyền nuôi dưỡng 02 người con tên là Nguyễn Thị Thiên K, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Thành S, sinh ngày 25/6/2010 cho đến khi thành niên.

Anh N không cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Cao Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Cao Thị M. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa có mặt đầy đủ đương sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị M đối với anh Nguyễn Thành N.

Hội đồng xét xử thấy rằng; Chị M và anh N mặc dù đăng ký kết hôn tại xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai nhưng sau khi đăng ký hôn thì sinh sống và làm ăn chủ yếu tại thôn 4, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống với thời gian đầu hạnh phúc với nhau nhưng không được bao lâu thì giữa chị M và anh N lại xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M và anh N đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh N không tin tưởng chị M nên thường xuyên nghi ngờ lòng chung thủy của chị M, dẫn đến khi anh N đi ăn nhậu về là kiếm chuyện gây gỗ với chị M, đập phá đồ đạc trong gia đình, thậm chí còn đuổi mẹ con chị M ra khỏi nhà. Sự việc xảy ra nhiều lần mặc dù chị M đã nhiều lần tha thứ và cho anh N cơ hội nhưng anh N vẫn tính nào tật đó, không thay đổi dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của vợ chồng không còn. Hiện nay chị M và anh N sống ly thân với nhau, nhưng kể từ ngày hai người sống ly thân, thì anh N không có động thái nào chứng tỏ rằng anh còn thương yêu chị M và tại phiên tòa hôm nay, anh N cũng không chứng minh được tình cảm giữa anh và chị M có thể hàn gắn về đoàn tụ chung sống nuôi con.

Thấy rằng; tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N xảy ra trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân này, thì sẽ gây bất lợi cho anh, chị và các con.

Nghĩ nên; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị M có yêu cầu nuôi dưỡng hai (02) con chung tên là Nguyễn Thị Thiên K, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Thành S, sinh ngày 25/6/2010, nhưng anh N cũng yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung và không bên nào yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy; quá trình làm việc giữa chị M, anh N và hai con chung. Khi chị M có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con, thì anh N đồng ý giao hết 02 con cho chị M nuôi dưỡng nếu chị M cương quyết ly hôn anh; nhưng vào ngày 19/7/2019, anh N nộp Văn bản trình bày ý kiến, thì có mong muốn giành quyền nuôi dưỡng 02 con.

Xét thấy; việc giao hai con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi của các con về mọi mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, thì: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa này các con của anh, chị đều trình bày anh, chị chung sống với nhau không hạnh phúc, anh N thường dùng dao đe dọa chị M, đuổi chị M ra khỏi nhà và đều có nguyện vọng được ở với chị M nếu anh N với chị M không chung sống với nhau.

Anh, chị hiện là nông dân, công việc làm chính là canh tác nương rẫy, thu nhập không ổn định. Tuy nhiên, xét theo nguyện vọng của chị M, anh N và các con chung

cần giao 02 người con cho 01 người nuôi dưỡng mà không phải phân chia mỗi người nuôi dưỡng mỗi người con. Vì, hiện tại 02 con đều đang chung sống với chị M và được chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Do đó, cần giao các con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo các con phát triển toàn diện về mọi mặt, đồng thời phù hợp theo nguyện vọng của các con của anh, chị.

Nghĩ nên; giao cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng hai (02) con chung cho đến khi các con đã thành niên, là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị M không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Cao Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203; khoản 1 Điều 227; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị M.

Chị Cao Thị M ly hôn anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Giao cho chị Cao Thị M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thiên K, sinh ngày 15/6/2008 và Nguyễn Thành S, sinh ngày 25/6/2010 cho đến khi tròn 18 năm tuổi.

Anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi hai con tên là K và S, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Cao Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013416 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Cao Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2019).

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp